

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS-ST

Ngày: 23/10/2018.

“V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hui (họ)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Châu.

2. Ông Trần Văn Lâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tuấn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui (họ)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Lâm Thị Hồng T** (có mặt);

Địa chỉ: Số 1, ấp Trà L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

2. ***Bị đơn:*** Bà **Lâm Thị Lệ Q** (có mặt);

Địa chỉ: Số 4, ấp Trà L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông **Trần Văn C**.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn C: Bà Lâm Thị Lệ Q - Theo giấy ủy quyền ngày 25/9/2018 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 4, ấp Trà L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ nguyên đơn bà Lâm Thị Hồng T trình bày:

Vào năm 2017 và 2018, bà Q, ông C có tổ chức chơi hội, bà Q, ông C làm đầu thảo. Bà T là hội viên tham gia chơi 02 dây hội tuần, cụ thể như sau:

- Dây hội khui vào ngày thứ 5 hàng tuần, hội 1.000.000 đồng/1 phần, có 40 phần, bà T tham gia 06 phần, dây hội khui ngày 07/9/2017 âm lịch (tức là ngày 26/10/2017 dương lịch), bà Q tuyên bố bế hội vào ngày 20/4/2018 (tức là ngày 03/6/2018 dương lịch).

Đối với dây hội này, bà T đã đóng cho chủ hội 31 lần, bà Q còn thiếu lại bà T 143.500.000 đồng.

- Dây hội khui vào ngày chủ nhật hàng tuần: hội 1.000.000 đồng/1 phần, có 50 phần, bà T tham gia 04 phần, dây hội khui ngày 02/6/2017 âm lịch (tức là ngày 25/6/2017 dương lịch), bà Q tuyên bố bế hội vào ngày 20/4/2018 âm lịch (tức là ngày 03/6/2018 dương lịch).

Đối với dây hội này, bà T đã đóng cho chủ hội 44 lần, bà Q còn thiếu bà T 50.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hội vợ chồng bà Q còn nợ bà T 193.500.000 đồng, bà Q trả cho bà T 3.500.000 đồng, còn thiếu lại 190.000.000 đồng. Sau khi đối chiếu, bà Q có làm giấy nhận nợ và trả nợ ngày 09/5/2018 âm lịch với sự chứng kiến của bà Triệu Thị Kim H và ông Huỳnh Văn D, thừa nhận còn thiếu lại bà T 07 phần hội, với số tiền là 190.000.000 đồng và hứa sẽ trả cho bà T mỗi ngày 150.000 đồng, kể từ ngày 09/5/2018 trở về sau cho tới khi dứt nợ.

Thực hiện theo lời hứa, bà Q đã trả cho bà T được 47 lần bắt đầu từ ngày 09/5/2018 âm lịch đến ngày 25/6/2018 âm lịch, với số tiền là 7.050.000 đồng. Số tiền hội mà vợ chồng bà Q còn thiếu lại bà T tính đến ngày 25/7/2018 là 182.950.000 đồng.

Bà Lâm Thị Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lâm Thị Lệ Q, ông Trần Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hội còn thiếu là 182.950.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng), trả 01 lần và trong thời gian sớm nhất, đồng thời phải trả cho bà T tiền lãi do chậm trả theo lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 07/8/2018 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 9 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Lâm Thị Lệ Q trình bày:

Bà Q thống nhất với lời trình bày của bà T, bà Q thừa nhận bà Q, ông C còn nợ tiền hội của bà T là 182.950.000 đồng, hiện nay hoàn cảnh bà Q, ông C rất khó khăn. Bà Q xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin không trả tiền lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu bà Q trả số tiền hội là 182.950.000 đồng, không yêu cầu bà Q, ông C trả tiền lãi.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã

thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Hồng T. Buộc bị đơn bà Lâm Thị Lệ Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hui còn nợ 182.950.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn và bị đơn tổ chức mở hui, do bị đơn là chủ hui còn nguyên đơn là hui viên. Trong quá trình mở hui, bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền hui còn thiếu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng góp hui.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng góp hui theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Lâm Thị Lệ Q có địa chỉ số 4, ấp Trà L, xã Thuận H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà T xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Q, ông Ch liên đới trả tiền hui tổng cộng là 182.950.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[4] Bà Q thừa nhận còn thiếu bà T số tiền hui là 182.950.000 đồng bà T cũng thống nhất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định bà Q còn thiếu bà T số tiền hui 182.950.000 đồng là sự thật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền hui còn nợ cho nguyên đơn là 182.950.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, Theo quy định tại Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường quy định “*Trong trường hợp chủ hộ đã thu các phần hộ của các thành viên nhưng không giao cho các thành viên được lĩnh hộ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh hộ, chủ hộ phải giao các phần hộ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có*”. Căn cứ quy định này bà T khởi kiện yêu cầu bà Q, ông C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền hui còn thiếu là 182.950.000 đồng là có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Q xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T không đồng ý và yêu cầu của bà Q không có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bà Q, ông C liên đới phải chịu là 9.147.500 đồng.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Hồng T. Buộc bà Lâm Thị Lệ Q, ông Trần Văn C có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Lâm Thị Hồng T số tiền hui là 182.950.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lâm Thị Lệ Q, ông Trần Văn C liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.147.500 đồng.

- Nguyên đơn bà Lâm Thị Hồng T không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.574.000 đồng, theo biên lai số 0003475 ngày 24/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh